



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

Tạp chí **KHOA HỌC** **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU**

ISSN 2615 - 9538

HOA LU UNIVERSITY
JOURNAL OF SCIENCE

06

T.12
2025



TẠP CHÍ KHOA HỌC SỐ 06, THÁNG 12 NĂM 2025

ISSN 2615 – 9538

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Vũ Văn Trường

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Dương Trọng Luyện

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Tạ Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Toàn Thắng

TS. Bùi Văn Mạnh

TS. Nguyễn Mạnh Quỳnh

PGS.TS. Lê Xuân Giang

TS. Lâm Văn Năng

TS. Lê Thị Tâm

TS. Đoàn Sỹ Tuấn

BAN THƯ KÝ

ThS. Phạm Văn Cường

TS. Phạm Đức Thuận

ThS. Trương Ngọc Dương

ThS. Nguyễn Thị Lệ Thu

TÒA SOẠN

Trường Đại học Hoa Lư

☞ Đường Xuân Thành – Phường Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình

☎ 02293 892 240

📞 0984 148 845

✉ tapchikhoahoc@hluv.edu.vn

🌐 <http://hluv.edu.vn/vi/tckh>

Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

In 100 cuốn, khổ 19x27, tại Công ty TNHH TM&DV Hà Phương

Địa chỉ: 1032 Trần Hưng Đạo, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2025



LỜI NÓI ĐẦU

Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hoa Lư, có mã số chuẩn quốc tế ISSN 2615 - 9538, hoạt động theo Giấy phép số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Là tạp chí đa ngành, đa lĩnh vực với mục đích phản ánh hoạt động giáo dục đào tạo, công bố các kết quả nghiên cứu về Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ, Nông nghiệp, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, người học trong và ngoài trường, tuyên truyền phổ biến các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo, giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu ứng dụng, thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

Hội đồng biên tập Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư đã nhận được sự quan tâm của các tác giả trong và ngoài trường gửi bài về tạp chí. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển của Tạp chí và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác, ủng hộ và những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị để Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hoa Lư có chất lượng ngày càng cao hơn.

Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Tạp chí khoa học số 06!

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP



Tạp chí

**KHOA
HỌC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

MỤC LỤC

1	Vũ Thị Diệu Thuý - Giáo dục kỹ năng tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non	5
2	An Thị Ngọc Lý - Một số đặc điểm nghệ thuật của các văn bản thơ trong sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	19
3	Lê Văn Giàu - Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong dạy học toán chủ đề các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu không ghép nhóm nhằm nâng cao hiệu quả làm việc nhóm của học sinh	30
4	Phạm Thị Thu Thuý - Công tác đào tạo, bồi dưỡng về du lịch xanh cho sinh viên và các tổ chức, cá nhân tham gia làm du lịch tại Ninh Bình	39
5	Đỗ Văn Hiến - Nghiên cứu loại hình “Thượng Gia Hạ Kiêu” qua trường hợp di tích Cầu Không ở Ninh Bình	48
6	Bùi Minh Quang - Phát triển kinh tế du lịch tỉnh Ninh Bình theo hướng kinh tế xanh, bền vững	54
7	Phạm Mai Phương, Chế Thị Bích Ngân - Cộng đồng - Chủ thể trung tâm trong phát triển công nghiệp văn hóa gắn với bảo tồn di sản và du lịch bền vững ở Ninh Bình	69
8	Hoàng Tuấn Sinh - Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn phía Đông tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh chuyển đổi số	83
9	Võ Thị Lan Phương, Đỗ Quang Đạt, Nguyễn Thị Lan Phương, Lại Văn Duy - Tổng hợp tổ hợp vật liệu nano rGO/V ₂ O ₅ cho ứng dụng phân hủy thuốc nhuộm Xanh methylen và Tím tinh thể dưới ánh sáng khả kiến	99
10	Đỗ Thị Hoa Ngà - Khảo sát thành phần vật liệu và hoá học của khăn ướt dùng trong nhà hàng khách sạn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	110
11	Lương Thị Thu Giang, Nguyễn Anh Tuấn, Đinh Thị Thuý - Mô phỏng các chế độ làm việc của bộ điều tốc trong hệ thống điều khiển phát điện chạy bằng năng lượng thủy triều sử dụng MATLAB/SIMULINK	115
12	Trần Trung Nghĩa, Lê Hùng Tiến, Phạm Thị Lý - Nghiên cứu ảnh hưởng của các biện pháp kỹ thuật nhân giống từ hạt đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rau đắng biển (<i>Bacopa monnieri</i> (L.) Wettst.) ở giai đoạn vườn ươm	128
13	Phạm Thị Lý, Lê Tiến Hùng, Phạm Văn Nam - Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ GA ₃ đến sinh trưởng phát triển cây giống giai đoạn vườn ươm và xây dựng tiêu chuẩn cây giống bách bộ nhân giống bằng hạt	135





**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN THƠ
TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5
(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

An Thị Ngọc Lý¹

Ngày nhận bài: 20/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 22/12/2025

Tóm tắt: Các văn bản thơ trong sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) mang những đặc điểm nghệ thuật riêng, phù hợp với đối tượng tiếp nhận là các em học sinh lớp 5. Từ đó, giúp các bài thơ có thể truyền tải những nội dung nhân văn, mang đến cho học sinh những tư tưởng, thông điệp, bài học bổ ích; đồng thời giúp cho việc học tiếng Việt của các em trở nên thú vị, hiệu quả. Có thể thấy, một số đặc điểm nghệ thuật của các văn bản thơ phần Đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) như: có sự đa dạng các thể thơ; ngôn ngữ thơ giản dị, giàu hình ảnh, nhạc điệu; giọng điệu hồn nhiên, thân tình, tự hào; sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ và phương thức biểu đạt.

Từ khóa: đặc điểm nghệ thuật, văn bản thơ, Tiếng Việt lớp 5, Kết nối tri thức với cuộc sống.

**SOME ARTISTIC CHARACTERISTICS OF POETIC TEXTS IN VIETNAMESE
TEXTBOOKS GRADE 5 (BOOK SERIES CONNECTING KNOWLEDGE WITH LIFE)**

Abstract: Poetic texts in the Vietnamese 5 textbook (the Connecting Knowledge with Life series) have their own artistic characteristics, suitable for the recipients who are 5th graders. From there, the poems can convey humanistic content, bringing students useful thoughts, messages, and lessons; at the same time, helping students learn Vietnamese to become interesting and effective. It can be seen that some artistic characteristics of the poetic texts in the Reading section in the Vietnamese 5 textbook (the Connecting Knowledge with Life series) are: there is a variety of poetic forms; simple poetic language, rich in images and rhythm; innocent, friendly, proud tone; using a variety of rhetorical devices and expressive methods.

Keywords: artistic features, poetic text, Vietnamese grade 5, connecting knowledge with life.

Đặt vấn đề

Thơ là sự sáng tạo đặc biệt của con người, giúp con người có thể nói lên những tâm tư, tình cảm, nỗi niềm một cách dễ dàng và chân thành. Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Đặc điểm nghệ thuật trong văn học nói chung và thơ nói riêng là cách thức mà nội dung, tư tưởng được biểu đạt, tạo nên một sản phẩm nghệ thuật có tính thẩm mỹ và có sức lay động cảm xúc người đọc. Một số yếu tố của đặc điểm nghệ thuật như các biện pháp tu từ, phương thức biểu đạt, thể thơ, giọng điệu...

Với lứa tuổi học sinh (HS) lớp 5, quá trình nhận thức của các em đang bắt đầu phát triển nhanh, song vẫn thường bị chi phối bởi tình cảm, sự tò mò với những điều mới lạ. Những tác phẩm thơ trong sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

¹ Khoa Sư phạm Trung học, Trường Đại học Hoa Lư, Email: atnly@hluv.edu.vn



(KNTTVCS) có mối liên hệ chặt chẽ đến đặc điểm nhận thức của các em. Mỗi văn thơ chứa đựng những cảm xúc chân thật, hồn nhiên của trẻ thơ nhưng vẫn khơi gợi được trí tưởng tượng phong phú, sự tò mò và mong muốn khám phá thế giới thơ ca trong tâm hồn của các em, từ đó giúp “hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính” [1, tr5]. Yêu tố quan trọng giúp nhà thơ chuyển tải những giá trị nhân văn và bài học quý báu trong mỗi trang thơ ấy chính là hình thức nghệ thuật của mỗi bài thơ. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung làm rõ một số đặc điểm nghệ thuật của các văn bản thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS). Có thể thấy, một số đặc điểm nghệ thuật của các văn bản thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) như: sử dụng đa dạng các thể thơ, ngôn ngữ thơ giản dị, giàu hình ảnh, nhạc điệu, giọng điệu hồn nhiên, thân tình, tự hào, sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ và phương thức biểu đạt.

Nội dung

Những ngữ liệu thơ phần *Đọc* được lựa chọn đưa vào sách *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) đều gắn gũi với cuộc sống trẻ thơ, phù hợp với tâm lý tiếp nhận của học sinh lớp 5 hiện nay.

Về số lượng, các văn bản thơ thuộc phần *Đọc* trong các chủ điểm thuộc sách *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) được thống kê trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Thống kê các văn bản thơ trong SGK Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)

Tập	Chủ đề	Văn bản thơ
1	Thế giới tuổi thơ	<i>Bài 3: Tuổi ngựa</i> (Xuân Quỳnh) <i>Bài 5: Tiếng hạt nảy mầm</i> (Tô Hà)
	Thiên nhiên kì thú	<i>Bài 9: Trước cổng trời</i> (Nguyễn Đình Ảnh) <i>Bài 13: Mầm non</i> (Võ Quảng)
	Trên con đường học tập	<i>Bài 21: Thế giới trong trang sách</i> (Huệ Triệu)
	Nghệ thuật muôn màu	<i>Bài 25: Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i> (Quang Huy)
	Đánh giá giữa kì I	<i>Vườn mặt trời, quả mặt trăng</i> (Phan Thị Thanh Nhân)
	Đánh giá cuối kì I	<i>Bổ đứng nhìn biển cả</i> (Huy Cận)
2	Vẻ đẹp cuộc sống	<i>Bài 2: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> (Nguyễn Khoa Điềm) <i>Bài 3: Hạt gạo làng ta</i> (Trần Đăng Khoa) <i>Bài 6: Thư của bố</i> (Thụy Anh) <i>Bài 7: Đoàn thuyền đánh cá</i> (Huy Cận)
	Hương sắc trăm miền	<i>Bài 11: Hương cốm mùa thu</i> (Bảo Ngọc) <i>Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười</i> (Trần Quốc Toàn) <i>Bài 16: Về thăm Đất Mũi</i> (Hoài Anh)
	Tiếp bước cha ông	<i>Bài 22: Bộ đội về làng</i> (Hoàng Trung Thông) <i>Bài 23: Về ngôi nhà đang xây</i> (Đồng Xuân Lan) <i>Bài 24: Việt Nam quê hương ta</i> (Nguyễn Đình Thi)
	Thế giới của chúng ta	<i>Bài 25: Bài ca trái đất</i> (Định Hải)
	Đánh giá giữa kì II	<i>Mưa</i> (Lê Thị Mây)
	Đánh giá cuối kì II	<i>Qua Thập Thình</i> (Nguyễn Bùi Vợi)

Như vậy, các văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) phong phú về số lượng, phân bố ở hầu khắp các chủ đề. Cụ thể, số lượng văn bản thơ trong chương trình SGK *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) là 17 văn bản (trên tổng số 62 văn bản *Đọc* thuộc nhiều thể loại khác nhau), ngoài ra còn có 04 văn bản thuộc phần *Đọc* của các bài *Đánh giá giữa kì* và *Đánh giá cuối kì*. Các văn bản đọc đã góp phần làm cho việc học tiếng Việt của học sinh trở nên thú vị, bổ ích, phát huy được tính tích cực, sáng tạo cho HS, giúp các em phát huy trải nghiệm và gắn kết với cuộc sống. Các văn bản *Đọc*, trong đó có các văn bản thơ, trong sách giáo khoa *Tiếng Việt* 5 (KNTTVCS) có “hệ thống các bài đọc được lựa chọn kĩ lưỡng, có nhiều văn bản tươi mới, đặc sắc, có giá trị thẩm mỹ

cao, có giá trị giáo dục lâu dài, phù hợp với HS tiểu học hiện nay [...] Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống của HS, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung ngữ liệu giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập” [4, tr9]. Mỗi tác phẩm thơ lại có những đặc điểm nghệ thuật riêng để góp phần truyền tải những bài học giáo dục, tư tưởng, thông điệp riêng.

Bài viết này tập trung làm rõ một số đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của các văn bản thơ thuộc phần *Đọc* trong sách *Tiếng Việt 5* (bộ sách *KNTTVCS*).

1. Sự đa dạng thể thơ

Thể thơ là một hệ thống các quy tắc, luật lệ về số câu, số chữ, cách gieo vần, nhịp điệu, cấu trúc... giúp tạo nên sự đa dạng và đặc trưng riêng cho từng bài thơ. Các thể thơ phổ biến bao gồm: thơ bốn chữ, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, lục bát, thơ tự do...

Văn bản thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 5* (*KNTTVCS*) có sự đa dạng, phong phú về thể thơ. Mỗi bài thơ có một cấu trúc riêng, thể thơ riêng để qua đó thể hiện nội dung tư tưởng và thông điệp của mình. Để làm rõ hơn sự đa dạng về thể thơ, trong bảng thống kê dưới đây đã phân tích cụ thể số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ và tỉ lệ cụ thể của các thể thơ:

Bảng 2. Số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau

Thể thơ	Số bài	Tỉ lệ (%)
4 chữ	1	4.8
5 chữ	8	38.1
6 chữ	2	9.5
7 chữ	1	4.8
8 chữ	1	4.8
Lục bát	2	9.5
Tự do	6	28.5
Tổng	21	100

Như vậy, có thể thấy, trong tổng số 21 văn bản thơ thuộc phần *Đọc* đã xuất hiện nhiều thể thơ: thể bốn chữ, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, lục bát, tự do. Trong đó, có 8 bài viết theo thể thơ năm chữ (*Tuổi ngựa*, *Tiếng hạt nảy mầm*, *Trước cổng trời*, *Mầm non*, *Đường quê Đồng Tháp Mười*, *Về thăm Đất Mũi*, *Bỏ đứng nhìn biển cả*, *Mưa*), 6 bài viết theo thể tự do (*Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, *Thư của bố*, *Bộ đội về làng*, *Về ngôi nhà đang xây*, *Bài ca trái đất*), 2 bài viết theo thể lục bát (*Việt Nam quê hương ta*, *Qua Thăm Thịnh*), 2 bài viết theo thể sáu chữ (*Hương cốm mùa thu*, *Vườn mặt trời, quả mặt trăng*), các thể còn lại là thơ bốn chữ (*Hạt gạo làng ta*), bảy chữ (*Đoàn thuyền đánh cá*) và tám chữ (*Thế giới trong trang sách*), mỗi thể có 1 bài thơ.

Thơ bốn chữ có vai trò quan trọng trong văn học, đặc biệt là trong việc diễn đạt tình cảm, tâm tư, gần với các bài hát, đồng dao. Thể thơ này đơn giản, dễ nhớ, dễ thuộc, phù hợp với nhiều đối tượng, đặc biệt là trẻ em. Thơ năm chữ, hay còn gọi là thơ ngũ ngôn, mang đến sự gần gũi, dễ đọc và dễ cảm nhận cho người đọc. Thể thơ này có cấu trúc đơn giản, mỗi câu năm chữ, kết hợp với vần và nhịp điệu, tạo nên một phong cách riêng, dễ đi vào lòng người. Trong tổng số 21 văn bản thơ thì có đến 8 văn bản thơ thuộc thể năm chữ (chiếm 38,1%) – nhiều nhất trong số các thể loại. Thơ năm chữ được dùng nhiều nhờ tính âm vang nhịp ngắn, vui tươi, dễ đọc, dễ nhớ nên rất phù hợp với đối tượng học sinh tiểu học. Bên cạnh đó cũng giàu cảm xúc và hiện đại.

Một số bài thơ sử dụng thể thơ mà số tiếng trong câu thơ nhiều hơn là thể sáu chữ, bảy chữ, tám chữ. Theo đó, số tiếng của các câu thơ trong bài có tăng lên so với thể bốn chữ và năm chữ, giúp các nhà thơ dễ dàng bày tỏ, diễn đạt tình cảm, cảm xúc, miêu tả, kể... một cách tự nhiên. Tuy nhiên, vì dung lượng tiếng trong câu là dài hơi nên việc tiếp nhận những bài thơ thuộc các thể sáu chữ, bảy chữ và tám chữ của các em học sinh sẽ khó khăn hơn. Trên thực tế, có 4/21 bài thơ phần *Đọc* (chiếm 19%) các bài thơ thuộc các thể này. Với những thể thơ này, học sinh lớp 5 sẽ dần được làm quen và luyện cách đọc với các văn bản thơ dung lượng tương đối, làm tiền đề để các em có thể đọc và học những bài thơ ở những chương trình khối lớp lớn hơn.

Trong chương trình *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* còn có những bài thơ được viết theo thể thơ “truyền thống” của dân tộc – thơ lục bát. Với đặc điểm thể loại: có cách gieo vần linh hoạt, nhịp điệu êm ái, dễ nhớ, dễ thuộc, phù hợp với lối diễn đạt tình cảm, kể chuyện và truyền tải triết lý sống. Thể thơ này cũng rất dễ nhớ, dễ thuộc, phù hợp với học sinh lớp 5.

Ngoài ra, trong chương trình *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* có 6 bài thơ lựa chọn thể thơ tự do (chiếm 28.5%), nhiều thứ hai sau thể thơ năm chữ. Thơ tự do có vai trò quan trọng trong việc thể hiện sự đa dạng và phong phú của đời sống, đồng thời giúp các nhà thơ thể hiện cá tính và quan điểm riêng một cách tự do. Nó phá vỡ các quy tắc gò bó của thơ truyền thống, cho phép người viết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ một cách chân thật và gần gũi hơn với người đọc. Vì vậy, đây cũng là một thể thơ phù hợp với đối tượng tiếp nhận là học sinh lớp 5.

Như vậy, văn bản thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* có sự đa dạng các thể thơ. Trong đó, hai thể thơ được lặp lại nhiều nhất là thể năm chữ (8 bài) và thể tự do (6 bài), còn lại là các thể thơ khác (bốn chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ). Các thể thơ với những đặc điểm hình thức khác nhau mang đến cho các em học sinh cái nhìn đa dạng hơn về thể thơ, nhận diện và làm quen được các thể thơ. Từ đó, các em có thể khám phá các yếu tố nội dung của bài thơ thông qua yếu tố hình thức đầu tiên này.

2. Ngôn ngữ thơ giản dị, giàu hình ảnh, nhạc điệu

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Nhờ có ngôn ngữ, con người có thể diễn đạt tư tưởng, cảm xúc và kết nối với cộng đồng. Tuy nhiên, ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở vai trò giao tiếp hằng ngày, mà còn là chất liệu đặc biệt trong sáng tác văn học, trong thơ. Ở đó, ngôn ngữ được lựa chọn, sắp xếp, sáng tạo một cách nghệ thuật để tạo nên hình ảnh, cảm xúc và giá trị tư tưởng. Tác phẩm văn học có thể giúp “phản ánh đời sống, tâm tư, tình cảm của các em nhỏ qua hệ thống ngôn ngữ ngắn gọn, trong sáng, đầy màu sắc, nhịp điệu” [6, tr25].

Đối với HS lớp 5, các em đang trong độ tuổi phát triển tư duy và nhận thức, ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học dành cho các em cần phải được lựa chọn một cách tỉ mỉ, sao cho vừa phù hợp với khả năng tiếp thu, vừa giúp các em phát triển tư duy và cảm xúc. Vì vậy, ngôn ngữ sử dụng trong văn bản viết cho các em phải giản dị, đơn giản, đơn nghĩa, dễ hiểu. Hiểu rõ đặc điểm tâm lý lứa tuổi này, các văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* đã mang đến cho các em những văn bản có độ dài vừa phải, nội dung gần gũi, ngôn ngữ trong các văn bản đều là từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, tường minh và giàu hình ảnh.

Ngôn ngữ trong các văn bản thơ không sử dụng những từ ngữ trừu tượng, đa nghĩa, thậm chí còn giải thích các khái niệm trừu tượng thông qua cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu, với những hình ảnh gần gũi. Các nhà thơ thường dùng các từ ngữ thuần Việt, quen thuộc với cuộc sống hằng ngày. Đó là những đại từ xưng hô như mẹ - con (*Tuổi ngưa; Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*), cô - em (*Tiếng hạt nảy mầm*), bố - con (*Bố đừng nhìn biển cả; Thư của bố*), em (*Hạt gạo làng ta; Hương cốm mùa thu*)... Đó là các từ ngữ chỉ màu sắc (màu vàng, màu nâu, màu xanh, màu tím...) (*Hương cốm mùa thu*), là các từ ngữ chỉ sự vật quen thuộc, gần gũi (lúa, thóc, cốm, bàn tay, đường quê, hoa sen, hạt mưa, lưng đeo, ngôi nhà, ngôi sao, con tàu...), là từ chỉ mùa (mùa thu), chỉ thời gian (buổi chiều, sáng, sớm mai, đêm đêm...). Từ đó, ngôn ngữ thơ giúp cho câu thơ trở nên dễ hiểu, giàu hình ảnh....

Ngoài ra, nhờ có ngôn ngữ thơ giản dị giàu hình ảnh mà những sự vật, sự việc, khái niệm, bài học trừu tượng cũng trở nên dễ hiểu và gần gũi hơn. Có thể thấy rõ hơn điều này qua bài thơ *Tuổi ngưa*. Bài học về sự mạnh mẽ, kiên cường, ý chí và nghị lực, sự khao khát khám phá... trở nên gần gũi, thấm thía hơn qua từng câu thơ nhẹ nhàng: *Mẹ ơi con sẽ phi - Qua bao nhiêu ngọn gió - Gió xanh miền trung du - Gió hồng vùng đất đỏ - Gió đen hút đại ngàn - Mập mờ miền núi đá - Con mang về cho mẹ - Ngọn gió của trăm miền* [2, tr18]. Bài thơ như một thước phim ghi lại từng hình ảnh trải khắp mọi miền đất nước. Hình ảnh xuất hiện liên tục, kế tiếp, từ miền trung du đến vùng đất đỏ, đại ngàn, miền núi đá... các em học sinh có thể lần lượt “vi vu” cùng “ngọn gió” trong bài thơ để khám phá và cảm nhận.

Trong bài thơ “*Hạt gạo làng ta*”, Trần Đăng Khoa đã không cần phải giải thích và nói nhiều về sự vất vả của người nông dân để làm ra hạt gạo, nhưng học sinh vẫn thấy rõ điều đó qua những câu thơ: “*Những trưa tháng sáu – Nước như ai nấu – Chết cả cá cờ – Cua ngoi lên bờ – Mẹ em xuống cấy*” [3, tr17]. Cái nắng nóng khiến cho mọi vật như mất hết sức sống, tìm cách trốn chạy, thế nhưng mẹ vẫn phải xuống cấy, vẫn phải đối mặt và vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt để lao động. Hình tượng người mẹ lúc này càng trở nên vĩ đại hơn, đẹp hơn. Từ đó, “bài thơ cho thấy sự cần cù, chịu khó, tinh thần vượt lên thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, sức làm bền bỉ và tình yêu lao động của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo” [5, tr22-23].

Để nói về truyền thống dân tộc, về sự anh hùng, bất khuất, thủy chung, nghĩa tình... của con người và đất nước Việt Nam, Nguyễn Đình Thi đã viết những câu thơ đầy cảm xúc, làm hiện lên trước mắt người đọc hình ảnh của một đất nước Việt Nam tươi đẹp, đầy sức sống, anh hùng: “*Việt Nam đất nước ta ơi – Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn... – Quê hương biết mấy thân yêu – Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau... – Đất nghèo nuôi những anh hùng – Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên... – Việt Nam đất nắng chan hòa – Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh*” (*Việt Nam quê hương ta*) [3, tr117]. Qua những câu thơ, Nguyễn Đình Thi đã thể hiện niềm tự hào về non sông, gấm vóc, về đất nước Việt Nam anh hùng, bất khuất và tươi đẹp.

Những văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* còn mở rộng tầm nhìn của các em học sinh, hướng các em đến những giá trị nhân văn mang tính nhân loại, về tình yêu thương, sự đoàn kết của con người trên khắp thế giới: “*Trái đất này là của chúng mình – Quả bóng xanh bay giữa trời xanh... – Vàng, trắng, đen... dù da khác màu – Ta là nụ, là hoa của đất – Gió dầm hương thơm, nắng tô sắc thắm – Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm!*” (*Bài ca trái đất*) [3, tr122].

Ngôn ngữ trong các văn bản thơ SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* không chỉ giản dị, giàu hình ảnh mà còn giàu tính nhạc. Điều này thể hiện qua sự hài hòa giữa âm thanh, nhịp điệu, và cách ngắt nhịp, tạo nên sự du dương, êm đềm hoặc mạnh mẽ, dồn dập, phù hợp với nội dung và cảm xúc của bài thơ. Từ đó, ngôn ngữ không chỉ giúp truyền đạt thông tin mà còn tạo ra hiệu ứng thẩm mỹ, gợi cảm xúc và hình dung cho người đọc. Ngôn ngữ trong các bài thơ của SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* đều giàu tính nhạc nhờ sự sắp xếp có chủ ý của ngôn ngữ thơ. Từ đó khiến bài thơ trở nên nhịp nhàng, cân đối, dễ thuộc, dễ nhớ hơn với học sinh.

Qua bài thơ “*Mầm non*”, nhà thơ Võ Quảng mang đến cho các em học sinh bài thơ mà khi đọc lại giống như một bài đồng dao nhẹ nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ bởi vần điệu, nhịp điệu: “*Dưới vỏ một cành bàng – Còn một vài lá đỏ – Một mầm non nho nhỏ – Còn nằm nép lặng im... – Mầm non mắt lim dim – Cố nhìn qua kẽ lá – Thấy mây bay hời hợt – Thấy lát phát mưa phùn...*” [2, tr64]. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: “thấy...thấy...”, “còn...còn...” khiến câu thơ nhịp nhàng hơn, tăng sức biểu hình, biểu cảm. Nhà thơ cũng đã khéo léo sắp xếp các vần liên tục giữa các câu thơ (vần “o, im, a”, ...) cũng là một dụng ý nghệ thuật của Võ Quảng nhằm làm tăng tính nhạc cho thơ.

Từng câu thơ trong bài “*Tiếng hạt nảy mầm*” cũng có những điểm nổi bật về ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, vần điệu và nhạc điệu: “*Sau ngón tay cô đấy – Là tiếng hạt nảy mầm – Tiếng lá động trong vườn – Tiếng sớm mai gọi mẹ – Tiếng cuộc đời sâu vội – Con tàu biển buông neo – Ngôi sao mọc rừng chiều – Vó ngựa ran vách đá – Bao nghĩ suy vất vả – Trong mắt người lo toan – Để từng âm có nghĩa – Bật lên từ môi em*” [2, tr28]. Cấu trúc: “*Tiếng...*” lặp lại liên tục ở đầu mỗi câu thơ, vừa để nhấn mạnh lại vừa làm cho nhịp điệu câu thơ trở nên nhanh hơn, dồn dập hơn, mạnh hơn. Qua đó, những hình ảnh của con người, của đất nước... liên tục hiện lên rõ ràng qua từng lời cô dạy, qua từng bài học nhỏ.

Ngắt nhịp trong các câu thơ cũng giúp tăng tính nhạc cho câu thơ, bài thơ. Các văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* thường có dung lượng không lớn, số âm tiết trong mỗi câu thơ thường dao động từ 4 đến 8, và các nhịp thường thấy trong các câu thơ là 2/2 (*Hạt gạo/làng ta – Có vị/phù sa...*), nhịp 2/3 (*Mẹ ơi/con tuổi gì – Tuổi con/là tuổi ngựa; Mắt sáng/nhìn lên bàng*), nhịp 2/2/2, 2/4, 2/2/2/2 hoặc 4/4 (*Sớm mai/trong veo/nắng rọi; Việt Nam/đất nước ta ơi – Mênh mông biển lúa/đâu trời đẹp hơn*), nhịp 4/3 (*Mặt trời xuống biển/như hòn lửa – Sóng đã cài then/đêm sập cửa*)... Ngoài ra còn nhiều cách ngắt nhịp linh hoạt khác trong các bài thơ, đặc biệt



là những bài thơ theo thể tự do. Mỗi cách ngắt nhịp đều giúp câu thơ trở nên dễ đọc hơn, dễ học và dễ nhớ hơn, đồng thời là yếu tố tạo nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn cho bài thơ, giúp truyền tải cảm xúc, ý nghĩa một cách sâu sắc hơn.

Qua những phân tích trên, có thể thấy, ngôn ngữ thơ trong các văn bản thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* là ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Từ đó, giúp mỗi bài thơ trở nên dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ và gần gũi hơn với các em HS.

3. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình, tự hào

Giọng điệu là thái độ, tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện qua cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu và các yếu tố nghệ thuật khác trong bài thơ. Một số giọng điệu thường gặp trong thơ như: giọng trang nghiêm, sâu lắng, tha thiết, đau xót, tự hào, trào phúng, hài hước, trầm buồn, bi thương, tâm tình, thủ thi, hùng tráng, mạnh mẽ... Giọng điệu thể hiện rõ nhất cái nhìn, cảm xúc và thái độ của người viết trước hiện thực cuộc sống thông qua từng cách dùng từ, lựa chọn hình ảnh, xưng hô hay nhịp điệu câu văn. Như vậy, giọng điệu là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên linh hồn của một tác phẩm văn học.

Các tác phẩm thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* hướng tới đối tượng tiếp nhận là HS lớp 5 với những đặc điểm tâm lí hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng. Chính vì vậy giọng điệu trong các bài thơ đều phù hợp với lứa tuổi và sự nhận thức của các em. Trong đó, giọng điệu quan trọng và xuyên suốt trong nhiều tác phẩm thơ là giọng điệu hồn nhiên, thân tình và giọng điệu tự hào, ngợi ca.

3.1. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình

Trong số các bài thơ của SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)*, có bài thơ lựa chọn hình thức đối thoại trong thơ, chủ thể của các cuộc đối thoại ấy chính là các em nhỏ với những người xung quanh. Hình thức đối thoại độc đáo trong thơ khiến cho ý thơ dễ dàng được triển khai và cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện một cách rất tự nhiên (*Tuổi ngựa*). Có bài thơ lựa chọn hình thức tâm sự của một lá thư (*Thư của bố*) để ở đó “con” thủ thi mọi điều với bố, đó là sự trông vắng căn nhà khi thiếu bố, sự thấu hiểu và đồng cảm với những vất vả của bố nơi đảo xa, niềm tự hào và ngưỡng mộ vì có người bố anh hùng. Lại có những bài thơ mà nhân vật trữ tình xưng “con”, xưng “em” và trực tiếp bộc lộ cảm xúc khiến cho cả bài như lời thủ thi tâm tình của chính các em nhỏ về cuộc sống xung quanh mình, từ đó tạo ra giọng điệu đặc trưng riêng của văn bản. Có thể dễ dàng gặp những câu thơ như những câu hỏi, câu cảm, câu kể đầy hồn nhiên nhưng đôi khi cũng rất tình cảm và trí tuệ của các em: “*Mẹ ơi, con tuổi gì?*” (*Tuổi ngựa*) [2, tr17], “- *Ngủ Ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hời – Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội – Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần – Mai sau con lớn vùng chày lún sân*” (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*) [3, tr13-14], “*Con lớn lên, quen vắng bố trong nhà – Hai mẹ con, nhà một phòng cũng trống... Con đã lớn khôn, đọc được cả những điều – Chưa được viết trong thư người lính biển – Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghênh chiến – Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh*” [3, tr30], “*Hát rằng, cá bạc Biển Đông lặng – Cá thu Biển Đông như đoàn thoi*” (*Đoàn thuyền đánh cá*) [3, tr34], “*Mỗi bước một lời cảm tạ - Với trời, với đất, với cây – Với người ngày đêm vất vả - Cho mình quả chín cầm tay*” (*Vườn mặt trời, quả mặt trăng*) [2, tr85]...

3.2. Giọng điệu tự hào, ngợi ca

Một nội dung quan trọng trong các bài thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* là đã thể hiện được niềm tự hào của các em nhỏ về cha mẹ, thầy cô, về cội nguồn, về truyền thống, văn hóa, về quê hương, đất nước. Và yếu tố nghệ thuật giúp thể hiện rõ nội dung đó chính là giọng điệu tự hào và ngợi ca. Có thể thấy rõ giọng điệu này trong nhiều văn bản thơ của SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)*. Giọng tự hào, ngợi ca được thể hiện chủ yếu thông qua việc các nhà thơ tái hiện, xây dựng hình ảnh thơ.

Đó là hình ảnh của cha, của mẹ, của thầy cô, của những chiến sĩ cách mạng, những người lao động... vừa ân tình, ấm áp lại vừa vĩ đại lớn lao. Đó là niềm tự hào và trân trọng những hi sinh của mẹ: “*Mồ hôi mẹ rơi, má em nóng hổi – Vai mẹ gầy, nhấp nhò làm gỏi – Lưng đưa nôi và tìm hát thành lời*” [3, tr13], hay trong bài thơ *Hạt gạo làng ta*, Trần Đăng Khoa đã tái hiện lại hình

ảnh người mẹ như một anh hùng vượt lên hoàn cảnh: “*Những trưa tháng sáu – Nước như ai nấu – Chết cả cá cờ – Cua ngoi lên bờ – Mẹ em xuống cấy*” [3, tr17]. Mẹ hiện lên với vẻ đẹp vừa đầm thắm bởi đức hi sinh lại vừa anh hùng, bất khuất, đảm đang. Những người bố cũng luôn là niềm tự hào của những đứa trẻ. Hình ảnh bố mạnh mẽ, chõ che, nuôi dạy nhưng lại cũng rất tinh tế: “*Bố trời chiều bóng ngả – Con sóng sớm bình reo*” [2, tr162], “*Con đã lớn khôn, đọc được cả những điều – Chưa được viết trong thư người lính biển – Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghênh chiến – Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh*” [3, tr30]. Các em còn dành sự tự hào, ngưỡng mộ của mình cho những người thầy người cô, người diu dắt và mở ra biết bao điều kì thú của tri thức con người: “*Sau ngón tay cô đây – Là tiếng hạt nảy mầm – Tiếng lá động trong vườn – Tiếng sớm mai mẹ gọi – Tiếng cuộc đời sâu vơi...*” [2, tr28]. Đó còn là sự tự hào và biết ơn những người lao động đề tạo ra của cải, vật chất: “*Mỗi bước một lời cảm tạ – Với trời, với đất, với cây – Với người ngày đêm vất vả – Cho mình quả chín cảm tay*” [2, tr85], “*Mặt trời xuống biển như hòn lửa – Sóng đã cài then, đêm sập cửa – Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi – Câu hát căng buồm cùng gió khơi*” [3, tr34], “*Chiều đi học về – Chúng em qua ngôi nhà xây dở – Giàn giáo tựa cái lồng che chở – Trụ bê tông nhú lên như một mầm cây – Bác thợ nề ra về còn hươ hươ cái bay – Tạm biệt!*” [3, tr113]. Tự hào và biết ơn những người lính ngày đêm hi sinh thầm lặng để bảo vệ quê hương, đất nước. Những người lính đã để lại niềm thương, niềm nhớ với mọi người: “*Các anh về mái ấm nhà vui – Tiếng hát câu cười – Rộn ràng xóm nhỏ – Các anh về tung bừng trước ngõ – Lốp lốp đàn em hớn hỏ theo sau – Mẹ già bịn rịn áo nâu...*” [3, tr109].

Giọng điệu tự hào, ngợi ca còn được biểu hiện qua cách các nhà thơ xây dựng, tái hiện những hình ảnh tươi đẹp của non sông, gấm vóc của dân tộc, về truyền thống văn hóa, văn hiến của đất nước. Rất nhiều địa danh tươi đẹp của đất nước như đất Mũi, rừng Năm Căn, Đồng Tháp Mười, sông Đà... Mỗi địa danh là một biểu tượng đại diện cho hình ảnh, cho niềm tự hào của quê hương, đất nước. Đó không chỉ là phong cảnh bao la rộng lớn, hùng vĩ mà còn là mảnh đất quê hương, là linh hồn dân tộc. Những hình ảnh đặc trưng cho đất nước và con người, dân tộc Việt Nam được khắc họa sắc nét như: *biển lúa, những cánh cò, đỉnh núi Trường Sơn, màu áo nâu nhuộm bùn, vùng đất nghèo cùng với những hoa thơm quả ngọt*. Nổi bật trên nền bức tranh thiên nhiên đó là đức tính và phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam – cần cù, chịu thương chịu khó luôn vất vả nhưng vẫn giữ gìn phẩm chất tốt đẹp và đáng quý: “*Đất nghèo nuôi những anh hùng – Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên – Đạp quân thù xuống đất đen – Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa – Việt Nam đất nắng chan hòa – Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh – Mắt đen cô gái long lanh – Yêu ai yêu trộm tấm tình thủy chung*” [3, tr117].

Có thể thấy, giọng điệu chủ đạo trong các bài thơ phần *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* là giọng điệu hồn nhiên, thân tình và tự hào. Trong đó, giọng điệu hồn nhiên, thân tình là giọng điệu rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng, giúp các em thấy gần gũi và dễ đọc các văn bản thơ hơn. Ngoài ra, giọng điệu ngợi ca, tự hào lại rất đồng cảm với những cảm xúc chân thành của các em về con người về cuộc sống, với tình yêu quê hương đất nước của các em HS.

4. Sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt và biện pháp tu từ

Phương thức biểu đạt có thể được hiểu là cách thức để truyền đạt. Thông qua cách thức này có thể biểu đạt, truyền tải ý nghĩ, tâm tư và tình cảm. Trong văn học, việc sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt là một nghệ thuật quan trọng, góp phần làm phong phú cách thể hiện nội dung và tăng sức lôi cuốn cho tác phẩm. Mỗi phương thức biểu đạt mang một chức năng riêng, nhưng khi được kết hợp linh hoạt, chúng sẽ bổ trợ và làm nổi bật lẫn nhau. Để phù hợp với đặc điểm tâm lí, khả năng nhận thức và cảm xúc của HS, các văn bản thường sử dụng những phương thức biểu đạt gần gũi, dễ hiểu, tạo hứng thú và nuôi dưỡng tình cảm, trí tưởng tượng của các em.

Một số phương thức biểu đạt thường được sử dụng trong các tác phẩm thơ phần *Đọc* SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* như phương thức tự sự, biểu cảm, nghị luận, miêu tả, thuyết minh... Trong đó, phương thức biểu đạt được sử dụng nhiều nhất, có thể thấy trong hầu hết các bài thơ là biểu cảm. Đây cũng là một đặc trưng của thể loại bởi thơ là tác phẩm trữ tình, để bộc lộ tình cảm,



cảm xúc của chủ thể trữ tình, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc. Có thể dễ dàng nhận thấy những câu thơ với nhiều cung bậc cảm xúc như yêu thương, âm áp: “*Vạt áo chàm thấp thoáng – Nhuộm xanh cả nắng chiều – Và gió thổi, suốt reo – Ấm giữa rừng sương giá*” [2, tr47]; sự trân quý, ngưỡng mộ, nhớ thương: “*Bài học nào trong trang sách thiết tha – Nhân nghĩa bao đời cha ông gìn giữ – Như dòng sông sẽ chảy về biển cả – Lớn khôn rồi vẫn nhớ tiếng mẹ ru*” [2, tr105]; “*Em vui em hát – Hạt vàng làng ta*” [3, tr18]; Sự gắn bó, gần gũi, thân mật, nhớ mong: “*Con lớn lên, quen vắng bố trong nhà – Hai mẹ con, nhà một phòng cũng trống – Chỉ mong đợi những lá thư gió lộng*” [3, tr30]...

Bên cạnh phương thức biểu đạt chính là biểu cảm, những bài thơ còn khéo léo sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt khác như tự sự, thuyết minh, nghị luận... khiến cho thơ mà như một câu chuyện được kể lại, thơ mà như một văn bản thông tin cung cấp cho các em biết bao điều về cuộc sống, về đất nước, về quê hương và thơ mà như lời diễn giải, bày tỏ để các em nói lên tình cảm, suy nghĩ của mình.

Những bài thơ sử dụng phương thức tự sự, miêu tả kết hợp biểu cảm giúp cho thơ như những câu chuyện kể, kể về những phút giây được vui chơi bên mẹ, kỉ niệm cùng cha, cùng ông (*Tuổi ngựa, Thư của bố, Về thăm đất Mũi*), kể về những buổi học đầy thú vị (*Tiếng hạt nảy mầm*), kể về những địa danh nổi tiếng cùng cuộc sống của con người nơi đây, về tình yêu quê hương, đất nước, tình đồng bào thắm thiết keo sơn (*Trước cổng trời, Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà, Hương cốm mùa thu, Đường quê Đồng Tháp Mười, Bộ đội về làng, Việt Nam quê hương ta...*), miêu tả lại hành trình lớn lên, trưởng thành (*Mầm non*)...

Phương thức thuyết minh cũng được lồng ghép trong bài thơ một cách khéo léo để thuyết minh về cuộc sống của những người Tày, người Giáy, người Dao: “*Người Tày từ khắp ngã - Đi gặt lúa, trồng rau – Những người Giáy, người Dao - Đi tìm măng hái nấm*” [2, tr47]; thuyết minh về sự hùng vĩ của đập thủy điện trên sông Đà: “*Chiếc đập lớn nối liền hai khối núi – Biển sẽ nằm bờ ngõ giữa cao nguyên – Sông Đà gửi ánh sáng đi muôn ngã - Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên*” [2, tr122]; về hành trình nhọc nhằn để làm ra hạt gạo (*Hạt gạo làng ta*); Về sự đa dạng sắc màu của con người trên trái đất thân yêu (*Bài ca trái đất*)...

Thơ thường ít khi sử dụng phương thức nghị luận, nhưng một số bài thơ trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* đã sử dụng thành công phương thức này bên cạnh phương thức biểu đạt chính là biểu cảm để tăng tính biểu đạt. Đó là bài thơ *Bài ca trái đất* với những câu thơ thể hiện sự lập luận chặt chẽ, logic, không thể phản bác: “*Trái đất này là của chúng mình... – Vàng, trắng, đen, dù da khác màu – Ta là nụ, là hoa của đất... - Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm... – Tiếng hát vui giữ bình yên trái đất – Hành tinh này là của chúng ta*” [3, tr122]. Bài thơ *Việt Nam quê hương ta* lại khẳng định truyền thống văn hóa, nghị lực, ý chí kiên cường, bất khuất của đất nước Việt Nam tươi đẹp. Hay bài thơ *Thế giới trong trang sách* lại lập luận để khẳng định vai trò to lớn của sách đối với con người, với học sinh: “*Trang sách mở ra thế giới diệu kì... - Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ – Trang sách thấp lên ngọn lửa khát khao...*” [2, tr105], ...

Bên cạnh việc sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt trong thơ, mỗi bài thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* thường sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ nhằm tạo hiệu quả nghệ thuật. Các biện pháp tu từ được sử dụng nhiều trong các văn bản thơ thuộc phần *Đọc* SGK *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)* là biện pháp so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, lặp, liệt kê... Nhờ các biện pháp tu từ, tác phẩm có thể dễ dàng chuyển tải cảm xúc, bài học, thông điệp đến bạn đọc.

Trích đoạn bài thơ *Tuổi Ngựa* là bài đọc thơ đầu tiên trong sách *Tiếng Việt 5 (KNTTVCS)*. Bài thơ năm chữ, với số câu trong đoạn trích không nhiều nhưng lại sử dụng kết hợp liên hoàn nhiều biện pháp tu từ nhằm tăng hiệu quả biểu đạt. Trước tiên, có thể dễ dàng nhận thấy biện pháp tu từ ẩn dụ trong bài thơ: *Tuổi Ngựa* là hình ảnh ẩn dụ cho tuổi Ngựa – năm con ngựa – cũng là biểu tượng cho sự mạnh mẽ, khát vọng tự do. Hình ảnh “ngọn gió” được lặp lại nhiều lần và cũng là biểu trưng cho sự mạnh mẽ, năng lượng, hiểu biết, ham khám phá, phóng khoáng, vì vu... Biện pháp ẩn dụ giúp gợi lên hình ảnh sinh động về tuổi thơ đầy năng lượng, mạnh mẽ, kiêu hãnh, tạo cảm xúc tự hào về bản thân của các bạn nhỏ. Bên cạnh đó, đoạn trích còn sử dụng biện pháp tu từ

lặp: “*Gió xanh miền trung du – Gió hồng vùng đất đỏ - Gió đen hút đại ngàn...*” [2, tr18]. Cấu trúc “*Gió...*” được lặp lại nhiều lần ở đầu các câu thơ để nhấn mạnh hành trình khám phá cuộc sống của em bé tuổi Ngựa, giúp cho các câu thơ tăng tính gợi hình, gợi cảm, thi vị. Ngoài ra, bài thơ “*Tuổi Ngựa*” còn một biện pháp tu từ quen thuộc nữa, đó là biện pháp liệt kê, liệt kê những “màu sắc” đầy thú vị của “ngọn gió trăm miền” với *gió hồng, gió xanh, gió đen...*, với muôn kiểu địa hình (*miền trung du, vùng đất đỏ, đại ngàn, triền núi đá...*). Đó cũng chính là hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp của quê hương đất nước. Như vậy, tuy trích đoạn bài thơ có dung lượng không lớn nhưng lại sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ nhằm tăng hiệu quả diễn đạt, gợi mở hành trình trưởng thành, khao khát khám phá của một chú “*Ngựa hồng*”, đồng thời khơi dậy trong học sinh niềm tự hào về tuổi trẻ, về khát vọng, về tình yêu thiên nhiên.

Bài thơ *Mầm non* của nhà thơ Võ Quảng cũng là một văn bản đọc được tác giả vận dụng nhiều biện pháp tu từ như: nhân hóa, ẩn dụ, lặp, liệt kê. Biện pháp tu từ được coi là “chìa khóa” giúp nhà thơ triển khai ý thơ chính là nhân hóa, sự vật vô tri “mầm non” như một đứa trẻ đáng yêu với biết bao cung bậc cảm xúc giữa cuộc sống tươi đẹp: “*Mầm non mắt lim dim - Có nhìn qua kẽ lá*”, “*Mầm non vừa nghe thấy - Vội bật chiếc vỏ rơi*”, “*Nó đứng dậy giữa trời - Khoác áo màu xanh biếc*”. Cây mầm, vốn vô tri và bất động, nhưng được gán cho hành động và cảm xúc của con người để biết “*nhìn*”, “*nghe*”, “*vội*”, “*đứng dậy*”, “*khoác áo*”, ... Từ đó, làm cho hình ảnh mầm non trở nên sống động, dễ thương, như một em bé đáng yêu, giúp người đọc, nhất là HS, dễ liên tưởng đến bản thân mình – những “mầm non” đang lớn lên. Bên cạnh nhân hóa, ẩn dụ cũng là biện pháp tu từ đặc biệt của bài thơ. Hình ảnh “mầm non” chính là hình ảnh tượng trưng cho thế hệ trẻ, tuổi thơ, sức sống mới – đại diện cho tương lai, cho hi vọng. Quá trình mầm non nhú lên vươn mình cũng là ẩn dụ cho con người mạnh mẽ, dám bứt phá. Qua đó, giúp nhà thơ truyền tải thông điệp giáo dục sâu sắc: mỗi học sinh đều như một mầm non, tuy nhỏ bé nhưng có khả năng trở dậy, lớn mạnh và góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Ý thơ từ đó mà trở nên có chiều sâu triết lý mà vẫn gần gũi với HS tiểu học bởi liên tưởng đầy thú vị. Từ “mầm non” được lặp lại nhiều lần trong bài thơ để nhấn mạnh hình ảnh trung tâm cùng cấu trúc “*còn...*” (“*Còn nằm nép lặng im*”, “*Còn một vài lá đỏ*”, ...) thể hiện trạng thái “đang chờ đợi, còn lớn lên” và tạo nhịp điệu nhẹ nhàng cho bài thơ. Cũng giống như bài thơ *Tuổi Ngựa*, liệt kê cũng là biện pháp tu từ hữu dụng được Võ Quảng sử dụng ở đây. Nhà thơ liệt kê liên tiếp những sự chuyển biến của đất trời giữa trời xuân: “*Thấy mây bay hối hả / Thấy lát phát mưa phùn / Rào rào trận lá tuôn / Rải vàng đầy mặt đất...*”. Tất cả tạo cảm giác chuyển động, vận động liên tục của khung cảnh giao mùa. Qua đó, khắc họa bức tranh thiên nhiên mùa xuân năng động, náo nức nhờ đó mầm non được “đánh thức” giữa không gian thay đổi mạnh mẽ.

Trích đoạn *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* [3, tr13-14] là một văn bản đọc đầy cảm xúc về những tình cảm vô cùng thiêng liêng và đáng trân quý của con người. Đó là tình cảm mẹ con, tình đồng chí, đồng bào. Và để góp phần làm nổi bật những tình cảm ấy, Nguyễn Khoa Điềm đã sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ như: lặp, ẩn dụ, tương phản. Việc lặp lại cấu trúc “*mẹ thương...*”, “*mặt trời của...*” và các câu “*em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi*” và “*Ngủ Ngoan a-kay ơi, ngủ Ngoan a-kay hỡi*” tạo nên âm hưởng đều đặn, ngọt ngào như một khúc ru thực sự, ở đó người mẹ nhẹ nhàng như thủ thi tâm tình với đứa con nhỏ của mình, nhấn mạnh mối liên kết thiêng liêng, không rời giữa mẹ và con. Giữa chiến tranh khốc liệt, khúc hát ru ấy như một điều ấm áp vỗ về con người. Bài thơ cũng sử dụng biện pháp ẩn dụ qua hình ảnh “*lưng mẹ*”. Đó không chỉ là nơi mẹ ẵm con mà còn là biểu tượng của chở che, của sự táo tợn và hi sinh. Đó cũng chính là biểu tượng hóa tình mẫu tử. Sự tương phản giữa “*lưng núi thì to, mà lưng mẹ nhỏ*” cùng thủ pháp đối trong hai câu: “*mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*” càng nhấn mạnh hơn nữa sự hi sinh, tình yêu thương và niềm hi vọng vào tương lai tươi đẹp mà mẹ dành cho con.

Một ví dụ khác về sự đa dạng biện pháp tu từ trong thơ là bài thơ *Hạt gạo làng ta* [3, tr17-18]. Biện pháp lặp cấu trúc với cấu trúc “*Hạt gạo làng ta...*” (lặp lại nhiều lần mở đầu các khổ thơ), “*Có...*” (lặp đầu mỗi dòng thơ: “*Có nắng*”, “*Có mưa*”, “*Có lời mẹ hát...*”) làm nổi bật hình



ảnh trung tâm – hạt gạo – như một biểu tượng quen thuộc, thiêng liêng, tạo nhịp điệu đều đặn, giống như một khúc hát dân ca, gợi cảm giác rộn rã, đầy đủ về những giá trị người kết tinh trong hạt gạo. Trần Đăng Khoa còn khéo léo “gán” cho hạt gạo những tầng sâu triết lí qua biện pháp ẩn dụ. Ở đây, hạt gạo chính là ẩn dụ cho thành quả của lao động, sự cần cù, đức hi sinh, tình cảm gia đình và sự anh dũng của người Việt trong kháng chiến. Ngoài ra, việc so sánh: “*nước như ai nấu*”, “*những năm bang đạn – vàng như lúa đồng*” cũng góp phần khắc họa sự vất vả, khó nhọc của người nông dân trong chiến tranh để làm ra hạt gạo cũng như ý chí nghị lực, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người dân Việt Nam ta. Nhà thơ Trần Đăng Khoa cũng liệt kê liên tục những yếu tố như “cản trở” con người trong quá trình sản xuất: *bão tháng Bảy, mưa tháng Ba, trưa tháng sáu, bom Mỹ, băng đạn...* Thế nhưng vượt lên tất cả, con người vẫn hăng hái lao động: *xuống cấy, chống hạn, vục gàu, bắt sâu, gánh phân...* bởi lúc này hạt gạo không chỉ còn là vật chất mà còn chính là tinh thần, là linh hồn của người Việt, là niềm tin và sự hi vọng vào chiến thắng kẻ thù xâm lược bạo tàn. Để hiểu vì sao, đến câu thơ cuối cùng, nhà thơ lại ví hạt gạo như “*hạt vàng*”. Từ đó, bài thơ cũng chuyển tải thông điệp giáo dục sâu sắc đến các em học sinh: hãy trân trọng từng hạt gạo, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, trân trọng lao động.

Bài thơ *Hương cốm mùa thu* [3, tr53] cũng sử dụng nhiều biện pháp tu từ nhằm chuyển tải nội dung. Tác giả đã nhân hóa những sự vật vô tri để chúng giống như những thực thể người, mang tình cảm người, hành động người, làm cho cảnh vật trở nên sống động và đầy biểu cảm, góp phần tạo ra khung cảnh mùa thu có hồn, gần gũi, chứa đựng cảm xúc và kỉ niệm: “*Tháng Chín heo may về phố*”, “*Gió thơm vừa ghé – ô kìa!*”, “*Gió kể: Ngày xưa hạt thóc...*”, “*Hồ Gươm chớp đôi mắt biếc...*”... Biện pháp lặp cấu trúc: “*Em thấy..., Tháng Chín..., có...*” tạo thành nhịp điệu nhẹ nhàng, êm đềm, góp phần nhấn mạnh, tạo sự khái quát cho nội dung. Nhà thơ đã liệt kê những sắc màu mùa thu: vàng của nắng, xanh của trời, nâu của đất... để từ đó tái hiện đầy đủ hơn cảm nhận của con người về đất trời trong thu với những gam màu rất đặc trưng. Hình ảnh trung tâm và cũng là biểu tượng của mùa thu trong bài thơ chính là “hạt cốm”: “*Cốm mang hồn đất, hồn người*”. Hạt cốm là ẩn dụ cho kết tinh của thiên nhiên và sự lao động của con người, cốm cũng chính là tâm hồn, là kí ức êm đềm, cốm là quê hương, là đất nước. Qua đó, bài thơ không chỉ miêu tả mùi hương cốm, mà còn thể hiện tình cảm sâu nặng với mùa Thu Hà Nội, với quê hương.

Như vậy, các biện pháp tu từ đã góp phần tạo nên vẻ đẹp nghệ thuật riêng cho mỗi bài thơ cũng như tạo nên những bức tranh giàu cảm xúc về cuộc sống; giúp các em HS thêm yêu, thêm trân trọng và tự hào về thiên nhiên, con người, lao động, văn hóa, truyền thống của quê hương, đất nước.

Kết luận

Thông qua những đặc điểm nghệ thuật đặc sắc, các văn bản thơ trong phần *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 5* (bộ *KNTTVCS*) đã mang đến cho HS những bài học giáo dục đầy thú vị mà sâu sắc về thiên nhiên, con người và cuộc sống. Trước hết, các văn bản thơ có sự đa dạng về thể thơ góp phần tạo nên sự phong phú về hình thức biểu đạt. Bên cạnh đó, ngôn ngữ thơ được xây dựng giản dị, gần gũi, nhưng giàu hình ảnh và nhạc điệu, giúp HS dễ tiếp nhận và cảm thụ cái hay cái đẹp của bài thơ. Giọng điệu thơ hồn nhiên, thân tình, đồng thời lồng ghép niềm tự hào, tình yêu quê hương đất nước, qua đó nuôi dưỡng những tình cảm trong sáng, tươi đẹp cho lứa tuổi thiếu nhi. Ngoài ra, các tác giả vận dụng linh hoạt những biện pháp tu từ như nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, liệt kê... kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như biểu cảm, miêu tả, tự sự... Chính sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố hình thức trong văn bản thơ đã giúp nhà thơ truyền tải tư tưởng, bài học và thông điệp giáo dục đến HS một cách tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng vẫn sâu sắc, góp phần phát triển năng lực thẩm mĩ và bồi dưỡng tâm hồn các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



- [2] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [3] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [4] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [5] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [6] Hoàng Thị Hồng Phương (2020), “Tổ chức dạy học Văn học thiếu nhi Việt Nam cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học”, Tạp chí Giáo dục, (số 470) (kì 2).



INDEX

- 1 Vu Thi Dieu Thuy - Education of skills in organizing scientific discovery activities for students in Early Childhood Education 5
- 2 An Thi Ngoc Ly - Some artistic characteristics of poetic texts in Vietnamese *Textbooks Grade 5* (Book series connecting knowledge with life) 19
- 3 Le Van Giau - The application of game theory in teaching mathematics on the topic of special numbers measuring the central tendency of non-grouped data in order to enhance the effectiveness of students' group cooperation 30
- 4 Pham Thi Thu Thuy - Education and training for green tourism among students and tourism stakeholders in Ninh Binh province 39
- 5 Do Van Hien - A study of the "House-on-Bridge" architectural type through the case of the "Khong Bridge" relic in Ninh Binh 48
- 6 Bui Minh Quang - Developing Ninh Binh province's tourism economy in the direction of green and sustainable economy 54
- 7 Pham Mai Phuong, Che Thi Bich Ngan - The community as a central actor in developing cultural industries associated with heritage conservation and sustainable tourism in Ninh Binh province 69
- 8 Hoang Tuan Sinh - Research on factors affecting the efficiency of accounting information systems in small and medium enterprises in The Eastern region of Dak Lak province in the context of digital transformation 83
- 9 Vo Thi Lan Phuong, Do Quang Dat, Nguyen Thi Lan Phuong, Lai Van Duy - Facile synthesis of rGO/V₂O₅ nanocomposite towards the degradation of Methylene blue and Crystal violet dyes under visible light irradiation 99
- 10 Do Thi Hoa Nga - Investigation of material and chemical composition of wet wipes used in restaurants and hotels in Hung Yen province 110
- 11 Luong Thi Thu Giang, Nguyen Anh Tuan, Dinh Thi Thuy - Simulation of governor operating models in a tidal power generation control system using MATLAB/SIMULINK 115
- 12 Chan Trung Nghia, Le Hung Tien, Pham Thi Ly - A study on the effect of seed propagation techniques measures on the growth and development of *Bacopa monnieri* (L.) Wettst. at the nursery stage 128
- 13 Pham Thi Ly, Le Hung Tien, Pham Van Nam - Effects of GA₃ concentrations on nursery performance and the development of seedling quality standards for seed-propagated *Stemona tuberosa* Lour. 135



THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Bài nhận đăng là công trình nghiên cứu khoa học, các ý kiến trao đổi về học thuật, quản lý giáo dục, các bài tổng quan giới thiệu thành tựu khoa học mới của các nhà khoa học trong và ngoài trường. Tạp chí không nhận đăng bài đã công bố trên ấn phẩm khác.

2. Bài báo khoa học được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, soạn thảo trên Word, hoặc trên Latex, font Times New Roman (Unicode); cỡ chữ 12; khổ giấy A4; lề trên: 2,0 cm, lề dưới: 2,0 cm, lề trái: 2,0 cm, lề phải: 2,0 cm; giãn dòng; single. Mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.

3. Bố cục bản thảo bài báo khoa học gửi đăng phải được trình bày theo bố cục sau: Tên bài báo (*phản ánh nội dung chính của bài viết*); Tóm tắt bài viết (*không vượt quá 250 từ thể hiện ý tưởng và nội dung tóm tắt của bài báo*); Từ khóa (*những từ được cho là quan trọng đối với nội dung nghiên cứu đặc trưng cho chủ đề của bài viết đó*); Giới thiệu (*Tóm tắt tình hình nghiên cứu trong nước và thế giới, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu*); Nội dung và phương pháp nghiên cứu (*trình bày nội dung nghiên cứu, các phương pháp tiếp cận, kết quả đạt được, giải pháp và kiến nghị đề xuất, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với các kết quả trước đó*); Kết luận (*khẳng định những kết quả nghiên cứu đạt được*); Tài liệu tham khảo (*Liệt kê tất cả tài liệu đã được tác giả trích dẫn trong bài báo*).

4. Tất cả các bài gửi đăng tạp chí khi được chấp nhận sau sơ duyệt đều được Ban biên tập gửi phản biện nhận xét, đánh giá. Ban biên tập trả lời tác giả về kết quả nhận xét, đánh giá của phản biện và thẩm định đối với bài báo. Bài đạt yêu cầu sẽ được đăng trong số gần nhất của tạp chí.

5. Ban biên tập nhận 01 bản in gửi kèm đĩa hoặc tập tin đính kèm trong Email.

Địa chỉ liên hệ và gửi bài: Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Hoa Lư, đường Xuân Thành, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02293 892 240; 0984 148 845.

Email: tapchikhoahoc@hlu.edu.vn



Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

ISSN 2615 – 9538

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Tel: 02293 892 240 | Fax: 02293 892 241

Website: <http://hluv.edu.vn>